

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 09/4/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Trung;

2. Bà Trần Thị Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiển - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) S;

Trụ sở chính: N, phường V, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thu T, Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP S, Phòng giao dịch S chi nhánh tỉnh Phú Yên (Theo giấy ủy quyền số 351/2023/GUQ-CNPY ngày 18/10/2023). Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: H, phường N, Tp. TH, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Mẫu X, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn ĐP, xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đại diện Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 07/12/2022, bà Nguyễn Thị Mẫu X có ký với Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân –

số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do bà X không trả nợ nên khoản vay phát sinh nợ quá hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ.

Tính đến ngày 29/12/2023, bà X còn nợ Ngân hàng số tiền 112.959.665 đồng, trong đó nợ gốc là 103.140.563 đồng, lãi trong hạn và phí là 6.237.495 đồng, lãi quá hạn 3.581.607 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu bà X phải trả tổng cộng 125.360.669 đồng (tính đến ngày xét xử 09/4/2024), gồm 103.140.563 đồng nợ gốc và 22.220.106 đồng nợ lãi. Ngoài ra, bà X còn phải trả số tiền lãi phát sinh từ sau ngày 09/4/2024 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết cho đến khi bà X trả dứt nợ vay. Buộc bà X phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Mẫu X trình bày:

Thời gian qua, vào năm 2022 bà Nguyễn Thị Mẫu X có vay Ngân hàng TMCP S một món tiền như Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện PH ngày 30/10/2023 với số tiền gốc 100.000.000 đồng với hình thức tín chấp nhưng do làm ăn thua lỗ, tuổi cao, bản thân đau bệnh nên không lao động làm việc để có tiền trả cho Ngân hàng và yêu cầu Ngân hàng xem xét gia hạn nợ cho bà X và xem xét cho dừng lãi thường kỳ.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 117, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 103.140.563 đồng nợ gốc và 22.220.106 đồng lãi và lãi phát sinh sau ngày xét xử về khoản hợp đồng tín dụng; Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện, bị đơn có nơi cư trú ở xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Do đó, quan hệ pháp luật dân sự được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Ngân hàng) yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X trả tiền nợ vay tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022. Do kỳ trả nợ vào ngày 05/10/2023, bà X không trả nợ vay cho Ngân hàng nên theo cam kết giữa hai bên và quy định về phân loại nợ, chuyển nhóm nợ tại Thông tư số 11/2021 của Ngân hàng Nhà nước ngày 30/7/2021, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn của bà X với dư nợ gốc là 103.140.563 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X thừa nhận có vay và còn nợ Ngân hàng như Ngân hàng trình bày, đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022 và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình, HĐXX nhận thấy việc giao kết hợp đồng của nguyên đơn và bị đơn là giao dịch thực tế, việc giao kết được các bên tự nguyện giao kết với nhau, về nội dung và hình thức thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là không trái quy định pháp luật nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Trong quá trình vay vốn, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tính đến ngày xét xử là 125.360.669 đồng (trong đó nợ gốc là 103.140.563 đồng, nợ lãi là 22.220.106 đồng) là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

Bị đơn yêu cầu được gia hạn nợ và đề nghị Ngân hàng xét giảm, dừng lãi phát sinh nhưng Ngân hàng không đồng ý, xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022 các bên không thỏa thuận nội dung này, HĐXX căn cứ Điều 466, 469 Bộ luật Dân sự không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí cho bị đơn. Nguyên đơn được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 125.360.669 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng*) (trong đó nợ gốc là 103.140.563 đồng, nợ lãi là 22.220.106 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2024), bà Nguyễn Thị Mẫu X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân – số hợp đồng 2446054 ngày 07/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mẫu X được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 2.620.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00010209 ngày 30/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND, TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- CC THADS huyện PH;
- Lưu AV và HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Minh Nhật